

BƯỚC SANG KỶ NGUYÊN HẬU CỘNG SẢN

Luật Sư Nguyễn Hữu Thống

DUYỆT LẠI SỰ THẬT LỊCH SỬ.

Theo sử sách của Đảng Cộng Sản, ngày 11-11-1945 Hồ Chí Minh giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương và ngày 3-9-1969 Hồ Chí Minh về châu tổ Mác-Lê.

Ngày nay sự thật lịch sử cho biết Đảng Cộng Sản Đông Dương không tự giải tán năm 1945, và Hồ Chí Minh đã về châu tổ Mác- Lê ngày hôm trước, 2 tháng 9, 1969.

Cũng vào ngày 2 tháng 9 (1945) Hồ Chí Minh đọc Tuyên Ngôn Độc Lập.

Thực ra Việt Nam chưa độc lập năm 1945. Chiều Công Pháp Quốc Tế, Việt Nam chỉ thu hồi chủ quyền độc lập ngày 8 tháng 3, 1949 do Hiệp Định Elysee. Trong năm này, 11 quốc gia khác tại Á Châu cũng giành được độc lập bằng đường lối chính trị và ngoại giao, không bạo động vũ trang và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Tháng hai năm 2000, nhà cầm quyền Hà Nội tổ chức lễ kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Trong dịp này họ viện dẫn những thành quả đã đạt được trong nửa thế kỷ vừa qua, và tự ban cho mình tư cách độc quyền lãnh đạo quốc gia từ trước tới nay và từ nay về sau.

Gạt bỏ mọi thành kiến và mọi luận điệu tuyên truyền, chúng ta chỉ căn cứ vào những tài liệu lịch sử và những văn kiện pháp lý để đưa ra những nhận định liên quan đến chủ trương đường lối của Đảng Cộng Sản.

NHẬN ĐỊNH VỀ ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH

Dưới chiêu bài giải phóng dân tộc, Đảng Cộng Sản chủ trương đấu tranh bạo động vũ trang, vọng ngoại và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trên bình diện dân tộc đây là một sai lầm chiến lược khiến 3 triệu thanh niên nam nữ thuộc 3 thế hệ phải hy sinh xương máu trong 3 cuộc Chiến Tranh Đông Dương:

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất chống Pháp và Quốc Gia Việt Nam trong 8 năm (1946-1954)

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Hai chống Thế Giới Dân Chủ (Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ và Đồng Minh) trong 20 năm (1955-1975); và

Chiến Tranh Đông Dương Thứ Ba tự chống lẫn nhau trong 10 năm, chiến tranh Miền Việt kết thúc năm 1989 do sự can thiệp của Liên Hiệp Quốc.

Trong số 14 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu, chỉ có 3 nước Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương đã đấu tranh bạo động vũ trang và liên kết với Quốc Tế Cộng Sản. Trái lại, tất cả 11 quốc gia khác đã đấu tranh ôn hòa, không bạo động và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Trong khi Đảng Cộng Sản Đông Dương đứng vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ các Đế Quốc Tây Phương, thì các đảng quốc gia tại Á Châu chủ trương hợp tác và thương nghị với đế quốc cũ để giành tự trị trong giai đoạn đầu và độc lập trong giai đoạn sau. Cũng vì vậy họ đã tiết kiệm được nhiều hy sinh xương máu và thời gian giành độc lập được rút ngắn còn từ 1 đến 4 năm sau Thế Chiến II, thay vì 30 năm như trường hợp Việt Nam.

Năm 1919 tại Hội Quốc Liên (tổ chức tiền thân của Liên Hiệp Quốc), Tổng Thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson đề xướng quyền Dân Tộc Tự Quyết để khuyến cáo các Đế Quốc Tây Phương từng bước trả tự trị và độc lập cho các thuộc địa Á Phi. Từ đó trào lưu tiến hóa tất yếu của lịch sử là sự giải thể tiệm tiến của các Đế Quốc Tây Phương. Cũng trong năm này Đế Quốc Anh đã trả chủ quyền độc lập cho Canada tại Bắc Mỹ và A Phú Hãn tại Nam Á.

Năm 1941, khi Thế Chiến II còn đang tiếp diễn, theo đề nghị của Tổng Thống Hoa Kỳ Franklin Roosevelt, các Đế Quốc Tây Phương Anh Mỹ Pháp Hòa Lan đã hội nghị tại Newfoundland Canada để công bố Hiến Chương Đại Tây Dương theo đó các thuộc địa và bảo hộ sẽ được trao trả độc lập khi Chiến Tranh kết thúc.

Mùa xuân 1945, với sự đầu hàng của Đức Quốc Xã, 50 quốc gia đồng minh họp Hội Nghị San Francisco để thành lập Liên Hiệp Quốc và ban hành Quyền Dân Tộc Tự Quyết trong Điều Thứ Nhất và Điều 55 Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

Trung thành với Hiến Chương Đại Tây Dương 1941 và Hiến Chương Liên Hiệp Quốc 1945, trong 4 năm, từ 1946 đến 1949, các Đế Quốc Tây Phương Mỹ Anh Pháp Hòa Lan đã lần lượt trả giải thể để trả độc lập cho các thuộc địa Á Châu:

Độc lập năm 1946: Phi Luật Tân thuộc Hoa Kỳ, Syrie và Liban thuộc Pháp.

Độc lập năm 1947: Ấn Độ và Đại Hội thuộc Anh.

Độc lập năm 1948: Miến Điện, Tích Lan và Palestine thuộc Anh.

Độc lập năm 1949: Việt Nam, Ai Lao, Cao Miên thuộc Pháp, và Nam Dương thuộc Hoà Lan.(1)

Như vậy lịch sử đã chứng minh rằng, tại Á Châu, đấu tranh không bạo động và không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản là đường lối khôn ngoan và hữu hiệu nhất để giành tự trị và độc lập cho quốc gia. Ngược lại, đứng vào hàng ngũ Quốc Tế Cộng Sản để đấu tranh vũ trang nhằm lật đổ các Đế Quốc Tây Phương là một sai lầm chiến lược. Vì đây không phải là chiến tranh giành độc lập mà là chiến tranh ý thức hệ giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ. Kinh nghiệm dân gian cho biết nơi nào trâu bò húc nhau thì ruồi muỗi chết: 3 triệu thanh niên nam nữ tại Triều Tiên, 3 triệu tại Việt Nam, 2 triệu tại Miên Lào và 1 triệu tại A Phú Hãn đã hy sinh thân sống, không phải để giành độc lập cho quốc gia, mà để cho Đảng Cộng Sản cướp chính quyền.

NHẬN ĐỊNH VỀ CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP

Chạy theo Quốc Tế Cộng Sản, Đảng Cộng Sản Đông Dương phủ định chủ nghĩa dân tộc. Họ không chủ trương đấu tranh giành độc lập vì quốc gia dân tộc và không quan niệm độc lập quốc gia như một cứu cánh tối hậu, một mục tiêu chiến lược phải tranh thủ với bất cứ giá nào, với bất cứ hy sinh nào, kể cả việc hy sinh những quyền lợi riêng tư của đảng phái. Lịch sử đã chứng minh rằng Đảng Cộng Sản chỉ sử dụng cuộc đấu tranh giành độc lập như một chiêu bài, một chiến thuật để đạt mục tiêu chiến lược là Cướp Chính Quyền. Họ đã chống đối và phá hoại bất cứ giải pháp độc lập nào không cho họ độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Tại Pháp, tháng 3, 1947, Hội Đồng Chính Phủ Ramadier và Hội Đồng các Chính Đảng lãnh đạo Quốc Hội công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam theo đó Pháp không chủ trương tái lập thuộc địa tại Á Châu. Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất (ba miền cùng chung một lịch sử, một chủng tộc, một văn hóa và một ngôn ngữ). (2)

Đặc biệt là, cũng trong năm 1947, sau khi ký Hiệp Ước Sơ Bộ Vịnh Hạ Long, Pháp đã chính thức đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (xin coi Everyone's United Nations, ấn bản năm 1986, trang 332).

Chủ quyền độc lập của Việt Nam được thừa nhận bởi Hiệp Định Élysée ngày 8-3-1949 ký kết giữa Tổng Thống Vincent Auriol và Quốc Trưởng Bảo Đại.

Hiệp Định Élysée là một văn kiện độc nhất vô nhị trong lịch sử ngoại giao của các quốc gia văn minh trên thế giới. Thông thường các hiệp ước và hòa ước quốc tế đều do các ngoại trưởng ký. Riêng Hiệp Định Élysee đã được chính Tổng Thống Vincent Auriol tự tay ký, với sự kiến thị của Thủ Tướng Henry Queille, của ngoại Trưởng Schuman, của Bộ Trưởng Quốc Phòng Ramadier và Bộ Trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Paul Coste-Floret. Từ đó, chiêu công pháp quốc tế, Việt Nam được hoàn toàn độc lập, các hiệp ước thuộc địa và bảo hộ ký với Pháp trong hậu bán thế kỷ 19 đã bị Hiệp Định Élysée bãi bỏ.

Cũng trong năm 1949 Trung Cộng đã dùng võ trang thôn tính lục địa Trung Hoa. Theo sách lược của Quốc Tế Cộng Sản, việc cộng sản hóa Trung Hoa sẽ mở đầu cho việc nhuộm đỏ hai bán đảo Đông Dương và Triều Tiên. Trước nguy cơ này, các cường quốc Tây Phương chủ trương giữ vững Việt Nam trong hàng ngũ Thế Giới Dân Chủ chống lại âm mưu thôn tính của Quốc Tế Cộng Sản.

Chiếu Hiệp Định Elysee tháng 3, 1949, Việt Nam là một quốc gia liên kết với Pháp trong tổ chức Liên Hiệp Pháp nên giữa Việt Nam và Pháp có nghĩa vụ an ninh hỗ tương. Nay Quốc Gia Việt Nam bị đe dọa về an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm), nên Pháp có nghĩa vụ phải mang quân hay điều quân để bảo vệ biên thùy của Việt Nam đồng thời là biên thùy của Liên Hiệp Pháp và của Thế Giới Dân Chủ.

Mặc dầu vậy Đảng Cộng Sản đã phủ nhận nền độc lập này. Họ tiếp tục chiến đấu võ trang để được độc quyền yêu nước và độc quyền lãnh đạo quốc gia.

Để vận động toàn dân tham gia kháng chiến, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Pháp đem quân trở lại Việt Nam để tái lập chế độ thuộc địa. Do đó họ phải chiến đấu vũ trang chống Pháp để giành lại độc lập cho quốc gia.

Đây là một luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Vì từ năm 1947 các Hội Đồng Chính Phủ và Chính Đảng Pháp đã quyết định không tái lập chế độ thuộc địa tại Á Châu và tán thành nguyện vọng độc lập của nhân dân Việt Nam. Trước đó, năm 1946, Pháp đã trả độc lập cho Syrie và Liban theo đúng chủ trương của Hiến Chương Đại Tây Dương 1941 và Hiến Chương Liên Hiệp Quốc 1945.. Và trong năm 1947, như đã trình bày, Pháp đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. Tháng 3, 1949, bằng Hiệp Định Elysée, Tổng Thống và Quốc Hội Pháp đã chính thức thừa nhận chủ quyền độc lập và thống nhất của Quốc Gia Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH VỀ CUỘC THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Năm 1975, Đảng Cộng Sản không có công thống nhất đất nước. Vì theo quốc tế công pháp, Quốc Gia Việt Nam đã được độc lập và thống nhất từ năm 1949 chiếu Hiệp Định Élysée ngày 8-3-1949.

Qua tháng sau, chiếu nguyên tắc Dân Tộc Tự Quyết, ngày 23-4-1949, Quốc Hội Nam Kỳ biểu quyết giải tán chế độ Nam Kỳ thuộc địa để sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất (với 45 phiếu thuận và 6 phiếu chống).

Tuy nhiên Đảng Cộng Sản đã phủ nhận nền độc lập này và đã phá hoại nền thống nhất này. Vì Hiệp Định Élysée không cho họ độc quyền lãnh đạo quốc gia. Do đó họ vẫn tiếp tục chiến đấu vũ trang và đã ký Hiệp Định Genève chia đôi đất nước để cướp chính quyền tại Miền Bắc năm 1954. Và rồi, với sự yểm trợ của Quốc Tế Cộng Sản, họ lại tiếp tục chiến đấu vũ trang để thôn tính Miền Nam năm 1975.

Kể từ năm 1955, Đảng Cộng Sản tuyên truyền rằng Mỹ đã thay thế Pháp để thống trị Miền Nam. Do đó họ phải chiến đấu chống Mỹ để giải phóng Miền Nam và thống nhất đất nước. Đây cũng là một luận điệu tuyên truyền xuyên tạc. Vì quân đội Hoa Kỳ chiến đấu tại Triều Tiên và Việt Nam không phải để thống trị hai quốc gia này mà để bảo vệ biên thù của Thế Giới Dân Chủ.

Tám bản đồ Việt Nam ông cha chúng ta đã đổ bao xương máu để tạo lập nên hồi đầu thế kỷ 19. Sau này, vì yếu thế, chúng ta phải nhượng cho Pháp 6 tỉnh Miền Nam. Năm 1949 đồng bào Miền Nam đã hành sử quyền dân tộc tự quyết để thu hồi chủ quyền lãnh thổ và bồi đắp tám bản đồ từ Nam Quan đến Cà Mau. Tuy nhiên, bằng chiến tranh vũ trang, Hồ Chí Minh đã cầm tay xé đôi tám bản đồ năm 1954 để cướp chính quyền tại Miền Bắc. Và rồi, năm 1975, cũng bằng chiến tranh vũ trang, Đảng Cộng Sản đã cướp chính quyền tại Miền Nam. Rồi họ lấy băng keo dán 2 mảnh dư đồ lại và tuyên bố rằng: “Đảng Cộng Sản có công thống nhất đất nước!”

Chúng ta đưa ra những nhận định này trên cương vị người nghiên cứu sử học và luật học, chứ không với tư cách cán bộ tuyên truyền cho một chủ thuyết hay một chế độ chính trị nào.

ĐỐI CHIẾU CÁC PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TẠI Á CHÂU

Muốn có cái nhìn khách quan và trung thực, chúng ta hãy đối chiếu công cuộc đấu tranh giành độc lập tại Việt Nam với các phong trào giải phóng dân tộc khác tại Á Châu.

Sau Thế Chiến II, trong số 14 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu, chỉ có 3 nước Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương là đã đấu tranh võ trang, bạo động và liên kết với Quốc Tế Công Sản. Trái lại các đảng quốc gia tại 11 nước Á Châu khác đã chủ trương đấu tranh ôn hòa, không bạo động và không liên kết với Quốc Tế Công Sản.

Một năm sau Thế Chiến II, từ 1946 đến 1949, tất cả các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh và Hoà Lan đã lần lượt tự giải thể để trả độc lập cho 12 nước thuộc địa, bảo hộ và giám hộ tại Á Châu.

1946: Phi Luật Tân độc lập

Hoa Kỳ đi tiên phong trong cuộc giải phóng thuộc địa. Nguyên là một cựu thuộc địa, Hoa Kỳ có truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhân dân Hoa Kỳ có cảm tình với những phong trào đấu tranh giành độc lập của các dân tộc Á Phi.

Đầu thập niên 1930, Luật Sư Quezon, lãnh tụ Đảng Quốc Gia Phi Luật Tân đến Hoa Thịnh Đốn vận động Quốc Hội Hoa Kỳ ban hành quy chế tự trị và độc lập cho Phi Luật Tân. Năm 1934 Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết thông qua Luật Tydings-McDuffie Act công nhận Phi Luật Tân là một quốc gia tự trị (dominion) từ 1935. Trong đạo luật này có khoản quy định rằng, 10 năm sau, vào Ngày Quốc Khánh Hoa Kỳ (4 tháng 7, 1945) Phi Luật Tân sẽ được hoàn toàn độc lập. Tuy nhiên tới ngày đó, Chiến Tranh Thái Bình Dương chưa kết thúc, nên Phi Luật Tân chỉ được tuyên bố độc lập ngày 4-7-1946 (trễ một năm vì lý do chiến cuộc).

Trong thời chiến tranh, Luật Sư Quezon được mời tham gia Ủy Ban Chiến Tranh vùng Thái Bình Dương, và người phụ tá của ông, Luật Sư Roxas hoạt động tình báo cho Tướng McArthur. Khẩu hiệu đấu tranh của Đảng Quốc Gia Phi Luật Tân là “Độc Lập do Hợp Tác” (Independence through Cooperation).

1946: Syrie và Liban độc lập.

Nếu Hoa Kỳ có truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc, thì Pháp cũng là quốc gia có truyền thống Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái tiến bộ nhất trong lịch sử loài người.

Tại Syrie và Liban, lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc là Đảng Nhân Dân tại Syrie và Luật Sư Dabbas tại Liban. Dabbas đã từng du học tại Paris, nơi đây ông hay biết rằng, bên cạnh các đảng bảo thủ chủ trương duy trì thuộc địa còn có Đảng Xã Hội Pháp chủ trương giải phóng lao động và giải phóng thuộc địa.

Năm 1936, Mặt Trận Bình Dân nắm chính quyền, Thủ Tướng Xã Hội Léon Blum ký hiệp ước với Syrie và Liban để trả tự trị cho 2 quốc gia này. Và 10 năm sau, năm 1946 quân đội Liên Hiệp Pháp triệt thoái để trả độc lập cho Syrie và Liban (Thời gian này tại Trung Đông chưa có nguy cơ xâm nhập của Staline).

1947: Ấn Độ và Đại Hội độc lập.

Sau các Đế Quốc Hoa Kỳ và Pháp, đến lượt Đế Quốc Anh bắt đầu tự giải thể. Tới Thế Chiến II, Anh Quốc đã thành lập được một đế quốc hùng mạnh nhất từ cổ chí kim chạy từ Bắc Mỹ qua Âu Châu, Phi Châu, Á Châu và Úc Châu. Người Anh thường tự hào nói: “Mặt trời không bao giờ lặn trên Đế Quốc Anh”. Vậy mà 2 năm sau Thế Chiến II, năm 1947, Đế Quốc Anh bắt đầu tự giải thể. Tại Ấn Độ, 3 nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc là các Luật Sư Gandhi, Nehru và Jinnah. Các vị này đã từng du học tại Anh, nơi đây họ hay biết rằng, bên cạnh Đảng Bảo Thủ chủ trương duy trì thuộc địa, còn có Đảng Lao Động Anh chủ trương giải phóng lao động và giải phóng thuộc địa như Đảng Xã Hội Pháp.

Năm 1947 Thủ Tướng Lao Động Clement Attlee trả độc lập cho Ấn Độ và Đại Hội, và qua năm sau, 1948, trả độc lập cho Miến Điện, Tích Lan và Palestine.

Khác với Đảng Cộng Sản Việt Nam, Đảng Quốc Hội Ấn Độ chủ trương đấu tranh công khai, ôn hòa, hợp pháp, không bạo động, không vọng ngoại và nhất là không liên kết với Quốc Tế Cộng Sản.

Với một dân số quá đông (gần 400 triệu, so với 20 triệu ở Việt Nam năm 1945), trong một xã hội chậm tiến, nghèo đói, thất học, với những mâu thuẫn trầm trọng về tôn giáo, chủng tộc, ngôn ngữ, đẳng cấp và giai cấp, cuộc đấu tranh tại Ấn Độ 10 lần khó hơn tại Việt Nam. Vậy mà, dưới sự lãnh đạo của Gandhi, Ấn Độ đã giành được độc lập 2 năm sau Thế Chiến II.

1948: Miến Điện, Tích Lan và Palestine độc lập.

Người anh hùng dân tộc Miến Điện là Aung San (thân phụ bà Aung San Suu Kyi hiện lãnh đạo phong trào Dân Chủ tại Miến Điện). Cũng như Gandhi, Aung San tình nguyện chiến đấu trong Quân Đội Hoàng Gia Anh. Cùng với U Nu, ông thành lập Liên Đoàn Nhân Dân Tự Do Chống Phát Xít để hợp tác với Đế Quốc Anh, chống Nhật...

Năm 1948 Miến Điện được trao trả độc lập.

Tại Tích Lan, Hiến Pháp năm 1931 ấn định thời gian tập sự tự trị là 15 năm. Với chủ trương “Thiện Chí và Hợp Tác” (Good Will and Cooperation), Đảng Quốc Gia Tích Lan đã giành được tự trị năm 1945 và độc lập năm 1948. Cũng trong năm này Palestine thoát quyền giám hộ của Đế Quốc Anh.

1949: Nam Dương độc lập.

Sau các Đế Quốc Mỹ, Pháp, Anh đến lượt Đế Quốc Hoà Lan tự giải thể năm 1949. Phong trào giải phóng dân tộc Nam Dương được phát động bởi giới trí thức du học Hoà Lan. Trong khi Đảng Cộng Sản theo sách lược bạo động võ trang thì Đảng Quốc Gia Nam Dương chủ trương đấu tranh ôn hòa bất bạo động bằng canh tân và giáo dục. Sukarno lập Câu Lạc Bộ Văn Hoá Bandung và Hatta lập Hội Giáo Dục Quốc Gia Nam Dương để nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Hatta du học 10 năm tại Hoà Lan và Sjahrir đã từng gia nhập Đảng Lao Động Hoà Lan trong thời gian du học.

Năm 1942, Nhật chiếm đóng Nam Dương, Sukarno hợp tác với Nhật. Tháng 8, 1945 Nhật đầu hàng Đồng Minh, Sukarno tuyên bố Nam Dương độc lập. Nhưng rồi quân đội Hoà Lan theo chân quân đội Anh sang giải giới quân đội Nhật, Sukarno chủ trương thương nghị với Hoà Lan.

Trong những năm 1946 và 1948, Đảng Cộng Sản Nam Dương phát động chiến đấu võ trang để phá thương nghị. Thời gian này nước láng giềng Phi Luật Tân đã được độc lập. Tổng Thống Truman vận động Liên Hiệp Quốc áp lực Hoà Lan phải hòa đàm với chính phủ Sjahrir. Lúc này Hoa Kỳ đang thực thi Kế Hoạch Marshall để tái thiết Âu Châu thời hậu chiến nên tiếng nói của Hoa Kỳ có trọng lượng đối với Hoà Lan. Hội Nghị Bàn Tròn La Haye được triệu tập dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Tháng 12-1949, do Hiệp Ước La Haye, Hoà Lan thừa nhận chủ quyền độc lập của Nam Dương

Như vậy, từ 1946 đến 1949 tất cả các đế quốc Tây Phương như Mỹ, Pháp, Anh, Hoà Lan đã lần lượt tự giải thể để trả độc lập cho 12 thuộc địa Á Châu.

Trong khi đó tại Đông Âu Staline thiết lập Đế Quốc Sô Viết bằng cách thôn tính 3 nước Baltic là Lithuanie, Lettonie và Estonie. Sau đó Liên Xô dựng “Bức Màn Sắt” tại 7 nước Đông Âu là Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Albanie, Bulgarie, và Roumanie. Từ đó, chiến tranh lạnh hay chiến tranh ý thức hệ bộc phát giữa Quốc Tế Cộng Sản và Thế Giới Dân Chủ.

Các nhà lãnh đạo phe Thế Giới Dân Chủ như Truman, Churchill và De Gaulle nhất quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương vì họ không muốn Staline mở rộng bức màn sắt từ Đông Âu qua Đông Á.

Riêng tại Việt Nam, De Gaulle cũng nhất quyết không trao Nam Kỳ cho Hồ Chí Minh vì họ Hồ là cán bộ của Staline tại Đông Nam Á.

Cũng vì vậy, hồi tháng 12-1945 De Gaulle đã mời cựu hoàng Duy Tân từ đảo Réunion tới Paris thương nghị. Nhiều tài liệu lịch sử cho biết De Gaulle đã chấp thuận trên nguyên tắc để Duy Tân về nước đầu năm 1946. Trước đó, hai bên sẽ ký một hiệp ước công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. Chính Phủ Việt Nam sẽ được toàn quyền quản trị về mặt nội bộ. Tuy nhiên vì lúc này Đảng Cộng Sản đã cướp chính quyền tại Miền Bắc, nên quân đội Pháp còn phải ở lại Việt Nam một thời gian với tư cách quân đội Liên Hiệp Pháp để yểm trợ Việt Nam giải quyết các vấn đề an ninh quốc nội (nội loạn) và an ninh quốc ngoại (ngoại xâm). Theo quy chế Liên Hiệp Pháp, giữa Pháp và Việt Nam có nghĩa vụ an ninh hỗ tương. Do đó quân đội Pháp có nghĩa vụ bảo vệ biên cương của Việt Nam, đồng thời là biên cương của Liên Hiệp Pháp.

Rất tiếc là mùa Giáng Sinh 1945, Duy Tân đã tử nạn máy bay trên sa mạc Trung Phi trên đường từ Paris về đảo Reunion thăm nhà. Nhiều người cho đây là vụ phá hoại. Nguyên nhân phi cơ phát hỏa là vì “hết xăng”. Đây là một nguyên nhân hy hữu vì không một phi hành đoàn nào chịu cất cánh nếu máy bay không chứa đủ xăng nhớt.

Việc Duy Tân mất đi là một đại bất hạnh cho Việt Nam cũng như cho Pháp. Vì nếu đầu năm 1946 Duy Tân về nước lập chính phủ quốc gia giành tự trị, độc lập và thống nhất cho Việt Nam thì chiến tranh Việt Pháp sẽ có cơ tránh được. Hồ Chí Minh sẽ không còn được độc quyền yêu nước và có lẽ chẳng còn ai muốn gia nhập Đảng Cộng Sản nữa (năm 1945 Đảng Cộng Sản chỉ có 5 ngàn đảng viên).

Lúc này Đảng Cộng Sản Pháp đã thông báo cho Staline và Hồ Chí Minh biết De Gaulle đã có giải pháp quốc gia về Việt Nam. Cũng vì vậy, ngày 11-11-1945, Hồ Chí Minh giả bộ giải

tán Đảng Cộng Sản Đông Dương. Rồi thành lập chính phủ liên hiệp quốc gia với sự tham gia của Cách Mạng Đồng Minh Hội (với Nguyễn Hải Thần) và Việt Nam Quốc Dân Đảng (với Vũ Hồng Khanh và Nguyễn Tường Tam) để làm bình phong thương nghị với Pháp.

Ngày 6-3-1946 tại Hà Nội, nhân danh chính phủ liên hiệp, Hồ Chí Minh ký Hiệp Ước Sơ Bộ Sainteny và chấp thuận mọi điều khoản mà De Gaulle đã thỏa thuận với Duy Tân: Việt Nam là một nước tự do và tự trị trong Liên Bang Đông Dương và trong Liên Hiệp Pháp. 15 ngàn quân Pháp được đồn trú tại Bắc Kỳ trong thời hạn 5 năm.

Sau đó ngày 14-9-1946 tại Paris, Hồ Chí Minh đã đến nhà riêng của Moutet để xin ký Thỏa Ước Tạm Thời (Marius Moutet là đồng chí cũ trước khi Hồ Chí Minh bỏ đảng Xã Hội để gia nhập Đảng Cộng Sản Pháp).

Tuy nhiên, mặc dầu lúc này De Gaulle đã từ nhiệm, các nhà lãnh đạo Thế Giới Dân Chủ vẫn nhất quyết không trao Đông Dương cho Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Theo chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản Hồ Chí Minh phát động chiến tranh vũ trang ngày 19-12-1946.

Bằng hành động gây chiến này Hồ Chí Minh đã vi phạm Hiệp Ước Sơ Bộ Sainteny và Thỏa Ước Tạm Thời Moutet.

Do đó, 3 tháng sau, tháng 3, 1947, Hội Đồng Chính Phủ Ramadier cùng Hội Đồng các Chính Đảng Pháp công bố Quyết Nghị về chính sách mới của Pháp tại Việt Nam, theo đó Pháp tán thành nguyện vọng chính đáng của nhân dân Việt Nam về độc lập và thống nhất.

Điều đáng chú ý là lãnh tụ Cộng Sản Maurice Thorez và lãnh tụ Xã Hội Marius Moutet đã ký tên vào Quyết Nghị này cùng với Thủ Tướng Ramadier.

Ngoài ra, cũng trong năm 1947 tại Liên Hiệp Quốc, Pháp đã chính thức đăng ký 3 nước Đông Dương (Việt Miên Lào) là những quốc gia độc lập.

Như vậy từ năm 1947, Pháp đã quyết định trao trả độc lập và thống nhất cho Việt Nam và đã đăng ký Việt Nam là một quốc gia độc lập tại Liên Hiệp Quốc. (Sở dĩ Việt Nam không được gia nhập Liên Hiệp Quốc vì gặp sự phản kháng của Liên Xô hành sử quyền phủ quyết.)

Năm 1947, nếu Hồ Chí Minh là người yêu nước, nếu Nguyễn Ái Quốc là nhà ái quốc biết đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên quyền lợi đảng phái, thì ông ta đã phải ngưng chiến cho phe quốc gia có điều kiện hòa đàm và ký kết với Pháp một hiệp ước để giành lại độc lập và thống nhất cho Việt Nam. Tuy nhiên Hồ Chí Minh không phải là người yêu nước, Nguyễn Ái Quốc không phải là nhà ái quốc nên ông ta vẫn tiếp tục đẩy tới chiến tranh vũ trang để phá vỡ mọi giải pháp độc lập quốc gia.

Mặc dầu vậy, các Chính Phủ Pháp kế tiếp vẫn trung thành với Quyết Nghị của các Hội Đồng Chính Phủ và Chính Đảng Pháp năm 1947.

Tháng 12, 1947, Cao Ủy Bollaert ký Hiệp Ước Sơ Bộ Vịnh Hạ Long với Quốc Trưởng Bảo Đại để thừa nhận chủ quyền độc lập của Việt Nam. Hiệp Ước Sơ Bộ này được chính thức hóa bởi Thông Cáo Chung Vịnh Hạ Long tháng 6, 1948 ký kết giữa Cao Ủy Bollaert và Tướng

Nguyễn Văn Xuân, Thủ Tướng Chính Phủ Quốc Gia Lâm Thời, với sự bồi trợ của Quốc Trưởng Bảo Đại. Theo Hiệp Ước này Pháp long trọng thừa nhận nền độc lập của Việt Nam và Việt Nam được tự do tiến hành thủ tục thực hiện thống nhất quốc gia chiếu nguyên tắc Dân Tộc Tự Quyết.

Và tại Điện Elysée (Paris) Tổng Thống Vincent Auriol, nhân danh Tổng Thống Cộng Hòa Pháp và nhân danh Chủ tịch Liên Hiệp Pháp, đã ký với Quốc Trưởng Bảo Đại Hiệp Định Elysée ngày 8-3-1949 Công Nhận Việt Nam Thống Nhất và Độc Lập trong Liên Hiệp Pháp. (Quy chế Liên Bang Đông Dương đã bị bãi bỏ)

Do Quyết Nghị ngày 23-4-1949 Quốc Hội Nam Kỳ đã giải tán chế độ Nam Kỳ tự trị và sát nhập Nam Phần vào lãnh thổ Quốc Gia Việt Nam độc lập và thống nhất.

Ngày 6-6-1949, theo thủ tục khẩn cấp, Quốc Hội Pháp phê chuẩn Hiệp Định Elysée về khoản giao hoàn Nam Kỳ cho Quốc Gia Việt Nam. Ngày 2-2-1950 Quốc Hội Pháp phê chuẩn toàn bộ Hiệp Định Elysée với 12 Phụ Ước và 30 Đính Ước bổ túc. Cũng trong tháng này Hoa Kỳ, Anh Quốc và Thái Lan chính thức thừa nhận Quốc Gia Việt Nam do Chính Phủ Bảo Đại đại diện.

Chúng ta không nên có thành kiến cho rằng gia nhập Liên Hiệp Pháp là vi phạm chủ quyền quốc gia. Vì các nước Ấn Độ, Đại Hội, Canada, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan v...v... cũng là những quốc gia độc lập trong Liên Hiệp Anh.

Về mặt an ninh quốc phòng, nếu năm 1949 Việt Nam không gia nhập Liên Hiệp Pháp thì quân đội viễn chinh Pháp phải rút khỏi Việt Nam (như tại Syrie và Liban năm 1946). Và chỉ trong một vài tuần lễ (như tại Nam Hàn năm 1950), phe Quốc Tế Cộng Sản sẽ nhuộm đỏ toàn thể bán đảo Đông Dương.

Khách quan mà xét, năm 1949 độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam. Chúng ta có thể sử dụng các chuyên viên Pháp là những người am hiểu phong tục tập quán, biết rõ dân tình nước ta, lại có những kinh nghiệm về khai thác nông lâm súc, công nghệ thương mại, xây cất cầu cống, đường sá, sông ngòi, hải cảng, cồn đảo ... Ngoài ra họ còn có thể cố vấn chúng ta để xây dựng một nền giáo dục phổ thông, một nền hành chánh hiện đại và một nền tư pháp độc lập để tiến tới tam quyền phân lập và dân chủ pháp trị.

Về mặt phát triển chúng ta có sẵn thị trường Liên Hiệp Pháp để xuất cảng các hàng hóa và các nông, lâm, khoáng sản ... Do đó, năm 1949, độc lập trong Liên Hiệp Pháp là giải pháp tối ưu cho Việt Nam.

Nhưng rồi Đảng Cộng Sản đã đưa dân tộc ta vào con đường chông gai chết chóc trong suốt 40 năm (từ 1949 đến 1989).

Đại hạnh của Ấn Độ là có Gandhi theo Chủ Nghĩa Dân Tộc.